

## VỀ MINH VĂN THÁP XÁ LỊ CHÙA THIÊN CHÚNG (THUẬN THÀNH, BẮC NINH) MỚI PHÁT HIỆN

ĐINH KHẮC THUẬN (\*)

**X**á lị tháp minh vốn ở chùa Thiên Chúng, huyện Long Biên, thuộc Giao Châu tìm thấy ở gần chùa Huệ Trạch làng Xuân Quan, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh ngày nay, khắc năm Tân Dậu, niên hiệu Nhân Thọ thứ nhất nhà Tùy (601). Minh văn này được phát hiện vào đầu tháng 8 năm 2012, đã được giới thiệu trong Hội nghị Phát hiện mới Khảo cổ học năm 2012<sup>(1)</sup>, cũng như trên một số phương tiện truyền thông trong cả nước. Vì tính thời sự và đặc sắc của tư liệu, nên tôi đã đến tận nơi khảo sát, nghiên cứu và bước đầu giới thiệu ở đây một số điểm nổi bật về văn bản, nội dung minh văn này.

### 1. Di vật và địa điểm phát hiện

*Xá lị tháp minh* là minh văn khắc trên bia đá về tháp Xá lị, gồm hai mặt úp khít vào nhau, rộng 45cm, dài 46cm. Mặt dưới dày 9cm, bề mặt tạo gờ nổi xung quanh. Mặt trên mỏng hơn, dày 4cm, tạo góc bạt chéo hình trụ, úp xuống vừa khít lên mặt dưới có khắc minh văn.

Cùng với bia mộ tháp này, còn có hộp xá lị đá. Hộp hình trụ, có nắp đậy cũng bằng đá, kích cỡ 45x46cm, lòng

sâu 20cm, nắp đáy có kích cỡ 45x46cm, bề dày 8cm. Ngoài ra, còn có một tấm đá hình chữ nhật dày 25cm, rộng 65cm và dài 100cm. Tấm đá được làm phẳng một mặt, dùng để đặt bia mộ tháp và hộp xá lị. Chất liệu của tấm đá này khác hẳn so với đá khắc bia và hộp xá lị. Đá khắc bia khá đặc biệt, có màu xám, mặt bia đanh, mịn. Trong khi đá bia và đá hộp xá lị không hề bị dấu tích mờ mòn, phong hóa bởi thời gian và ẩm ướt thì tảng đá này lại bị phong hóa nhiều chỗ vỡ.

Bia khắc chữ ở đây với hình thức là bia mộ có nắp đậy, thường được chôn xuống đất. Nắp đậy ở bia này có lớp keo dán, nên không bị thấm nước, lại vùi sâu trong lòng đất, nên nét chữ được bảo vệ khá vẹn toàn.

Các di vật trên do ông Nguyễn Văn Đức, thôn Xuân Quan, xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh đào được từ cuối năm 2004 trong lúc đào đất làm gạch ở khu đồng sau chùa, cách chùa làng Xuân Quan hiện nay khoảng 20m. Ông Đức cho biết khi đào đất làm

---

(\*) PGS.TS. Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

gạch ngói đã dùng máy múc để đào. Các di vật bằng đá nằm ở độ sâu hơn 2m, khi đào được các di vật này, bia mộ tháp có 2 phần úp khít vào nhau bằng chất kết dính gì đó mà phải cạy bằng mai đào đất mãi mới tách đôi ra được. Vì thế cạnh ngoài nắp có chữ bị sứt vỡ mấy miếng nhỏ, nhưng không ảnh hưởng tới phần chữ khác. Ở mặt trong cả hai nắp bia khi cạy ra đều sạch bóng, không có chất gì khác bám vào mặt, kể cả nước. Hộp đá có nắp đậy, ở bên trong có một ít tạp chất màu thâm đen. Sau khi đào được các di vật đá này, ông Đức đem bộ bia đá và nắp đá đậy trên hộp đá về nhà, còn lại ông mang ra chùa làng Xuân Quan. Các di vật trên hiện đã được đưa về bảo quản tại Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh.

## 2. Nội dung minh văn

Minh văn là văn bản chữ Hán, chữ còn khá rõ nét, gồm 133 chữ, chia thành 13 dòng.

*Nguyên văn chữ Hán:*

舍利塔銘

維大隋仁壽元年歲次辛酉十月  
辛亥朔十五日乙丑

皇帝普爲一切法界幽顯生靈謹  
於交州龍編縣禪眾寺奉安舍利敬  
造靈塔願太祖武元皇帝元明皇后  
皇帝皇后皇太子諸王子孫等并內  
外群官爰及民庶六道三塗人非人  
等生生世世值佛聞法永離苦空同  
昇妙果

敕使大德慧雅法師吏部羽騎尉  
姜徽送舍利於此起塔。

*Phiên âm: Xá lệ tháp minh*

Duy Đại Tùy Nhân Thọ nguyên niên,  
tuế thứ Tân Dậu thập nguyệt Tân Hợi  
sóc thập ngũ nhật Ất Sửu.

Hoàng đế phủ vị nhất thiết pháp giới  
u hiển sinh linh. Cẩn ư Giao Châu, Long  
Biên huyện, Thiên Chúng tự phụng an  
Xá lệ, kính tạo linh tháp. Nguyên Thái tổ  
Vũ Nguyên hoàng đế, Nguyên Minh  
hoàng hậu, Hoàng đế, Hoàng hậu,  
Hoàng Thái tử, chư vương, tử tôn đẳng  
tịnh nội ngoại quần quan, viên cập dân  
thứ, lục đạo tam đồ, nhân phi nhân  
đẳng, sinh sinh thế thế, trực Phật văn  
pháp, vĩnh ly khổ không, đồng thăng  
diệu quả.

Sắc sử Đại đức Tuệ Nhã pháp sư,  
Lại bộ Vũ kỵ úy Khương Huy tổng Xá lệ  
ư thử khởi tháp.

*Dịch nghĩa: Minh văn tháp Xá lệ*

Ngày Ất Sửu (tức ngày 15), tháng  
Tân Hợi (tháng 10), năm Tân Dậu niên  
hiệu Nhân Thọ năm thứ nhất (năm 601),  
Hoàng đế nước Đại Tùy kính cẩn sai đặt  
Xá lệ và dựng bảo tháp tại chùa Thiên  
Chúng, huyện Long Biên, Giao Châu để  
phổ độ cho muôn cõi sinh linh.

Câu nguyện cho Thái tổ Vũ Nguyên  
hoàng đế và Nguyên Minh hoàng hậu,  
cùng chư vị Hoàng đế, Hoàng hậu, Hoàng  
thái tử, các con cháu trong Hoàng tộc và  
quần thần thứ dân, hết thấy chúng sinh  
trong cõi lục đạo<sup>(2)</sup>, tam đồ<sup>(3)</sup>, con người  
và giống loài chẳng phải là người<sup>(4)</sup>, đời  
đời kiếp kiếp đều được theo Phật nghe  
Pháp, thoát li khổ ải, cùng hưởng phúc lành.

Sắc cho Đại đức Tuệ Nhã pháp sư,  
Lại bộ Vũ kỵ úy Khương Huy chuyên  
Xá lệ đến đây dựng tháp.

## 3. Giải thích văn bản

Văn bản có một số sự kiện và địa  
danh, nhân danh cần được làm rõ sau đây:

- Dòng niên đại khắc trên bia:

Niên đại trên văn bia được ghi rõ là: “維大隋仁壽元年歲次辛酉十月辛亥朔十五日乙丑 / Duy Đại Tùy Nhân Thọ nguyên niên, tuế thứ Tân Dậu thập nguyệt Tân Hợi sóc thập ngũ nhật Ất Sửu”. Cách ghi niên đại này hoàn toàn tương tự cách ghi niên đại khắc trên chuông Thanh Mai (Thanh Oai, Hà Nội) năm Trinh Nguyên thứ 14 (798) đời Đường: “維貞元十四年歲次戊寅三月辛巳朔廿日庚戌 / Duy Trinh Nguyên thập tứ niên tuế thứ Mậu Dần tam nguyệt Tân Tỵ sóc chấp nhật Canh Tuất”.

Trong khi cách ghi niên đại trên minh văn thời Tùy và thời Đường này bao gồm cả ngày can chi, tháng can chi và năm can chi, thì trên các văn bản về sau thường chỉ ghi năm can chi, ít khi cùng ghi cả tháng và ngày can chi. Chữ niên 年 khắc trên hai văn bản này cũng vậy, được khắc khá giống nhau, khác với cách viết trên văn bia do người Việt soạn từ sau thời kỳ độc lập tự chủ (thế kỷ X).

- Đơn vị hành chính và địa danh ghi trên bia:

Đơn vị hành chính đương thời được ghi trên minh văn là châu - huyện, cụ thể là: “Giao Châu, Long Biên huyện, Thiên Chúng tự 交州龍編縣禪眾寺, nghĩa là: Chùa Thiên Chúng, huyện Long Biên thuộc Giao Châu”.

Thực tế, dưới thời Tùy, đơn vị hành chính được phân làm hai cấp là châu và huyện. Sử liệu Trung Quốc cho biết: “Thời Tùy Văn Đế, tại trung ương thực hiện chế độ Tam sảnh, Lục bộ; còn chính quyền địa phương thì từ ba cấp châu, quận, huyện đổi thành hai cấp: châu, huyện. Quan lại địa phương do Trung ương cất đặt, bãi miễn, là để củng cố tập quyền trung ương”<sup>(5)</sup>.

Thời thuộc Tùy, chia đặt Giao châu, đến thời thuộc Đường, Giao Châu đổi thành An Nam Đô hộ phủ, thường được gọi là An Nam. Như vậy, Giao Châu, Long Biên huyện trên văn bản này ghi năm Đại Tùy Nhân Thọ nguyên niên (601) hoàn toàn phù hợp với sử liệu về tổ chức chính quyền và đơn vị hành chính thời thuộc Tùy.

Về địa danh Long Biên, chúng ta gặp nhiều trong các nguồn thư tịch cổ Trung Quốc và Việt Nam. Sớm hơn cả là *Hậu Hán thư* (Quận quốc chí) ghi: Giao Chỉ lấy Long Biên làm trị sở, hoặc là khu vực trung tâm của Giao Châu. Lí Bí khi dựng nước giữ thành Long Biên, như *Việt sử lược* ghi: Xưa người trong châu là Lí Bí giữ thành Long Biên, tự xưng là Nam Việt đế, đặt trăm quan, cải nguyên Thiên Đức, quốc hiệu là Vạn Xuân. Ngọc phả về Lí Bí làng Giang Xá (Hoài Đức, Hà Nội) ghi: Lí Bí, Long Biên huyện, Thái Bình nhân dã, nghĩa là Lí Bí, người ấp Thái Bình, huyện Long Biên. Trần Bá Tiên một viên tướng nhà Lương có công đánh dẹp Lí Bí, nên được phong Bình uy tướng quân Giao Châu Thứ sử.

Thiên Chúng tự là tên chùa ở Giao Châu đã được một số tài liệu thư tịch ghi lại, như trong *Thiền Uyển tập anh*, Q. Hạ trang 102, ghi: Thiền sư Định Không (?-808) ở chùa Thiên Chúng làng Dịch Bảng, phủ Thiên Đức”.

Như vậy, chùa Thiên Chúng ngày nay không còn, nhưng đã xuất hiện khá lâu ở những năm trước thời kỳ độc lập tự chủ - thế kỷ X. Còn Long Biên thời thuộc Tùy là huyện trung tâm của Giao Châu, tương đương cả vùng đất rộng lớn

ở phía Bắc ngay sát thành Đại La, Thăng Long - Hà Nội sau này.

- Một số nhân vật được đề cập đến trong minh văn, gồm: Thái tổ Vũ Nguyên hoàng đế và Nguyên Minh hoàng hậu; Hoàng đế và Hoàng hậu, cùng Hoàng thái tử.

Vũ Nguyên Hoàng đế là thân phụ của Tùy Văn đế. Sử liệu Trung Quốc cho biết, Vũ Nguyên Hoàng đế là do Tùy Văn đế Dương Kiên truy phong tôn hiệu cha của mình là Dương Trung Tùy Hoàn Công thời Bắc Chu vào ngày 5 tháng 3 năm 581, và lập miếu hiệu của Dương Trung làm Thái tổ<sup>(6)</sup>.

Dương Trung nguyên là nha tướng của Vũ Văn Thái, bộ thuộc Độc Cô Tín, vì có công lớn nên được phong làm một trong 12 đại tướng quân trong triều, được Tây Ngụy Cung Đế ban họ Phổ Lục Như Thị, sau khi Bắc Chu dựng nước, phong là Tùy Quốc công, nhậm chức Trụ quốc Đại tướng quân, thụy là Hoàn Công.

Còn Nguyên Minh Hoàng hậu là tôn hiệu của thân mẫu Tùy Văn Đế. Bà người họ Lã, sinh ra Dương Kiên đêm ngày Quý Sửu tháng 6 âm lịch năm Đại Thống thứ 7 thời Tây Ngụy Văn Đế (tức năm 541).

Hoàng đế và Hoàng hậu là đương thời Hoàng đế, tức Tùy Văn Đế và Hoàng hậu. Tùy Văn Đế (隋文帝) tên thật là Dương Kiên (楊堅), tên thường gọi là Na La Diên (那羅延), Tây Ngụy Cung Đế ban cho họ Phổ Lục Như (普六茹), là Hoàng đế sáng lập triều đại nhà Tùy trong lịch sử Trung Quốc, sinh năm Đại Thống thứ 7 (541), ở ngôi từ năm 581 đến năm 604.

Hoàng hậu, tức phu nhân của Tùy Văn Đế. Bà họ Độc Cô thị, nên còn gọi là Độc Cô Hoàng hậu, là người tài cán, được ví như một Hoàng đế, cho nên trong triều tôn xưng Dương Kiên Hoàng đế và Độc Cô Hoàng hậu là hai vị Thánh.

Hoàng thái tử: Tùy Văn Đế có 5 người con đều do bà Độc Cô thị sinh ra. Hoàng trưởng tử (con trai trưởng) là Dương Dũng, khi nhỏ được cha mẹ yêu quý, nhưng khi lớn phạm điều kiêng kỵ của cha, lại mê nữ sắc, nên càng bị ghét bỏ. Hoàng tử thứ hai là Dương Quảng đối với cha hết sức lễ phép, với mẹ vô cùng quy củ, nên được thay anh là Dương Dũng làm Thái tử. Hoàng tử thứ ba là Dương Tuấn cũng ham nữ sắc, bị bệnh, sau bị miễn quan và ốm mất. Hoàng tử thứ tư là Dương Tú, Hoàng tử thứ năm là Dương Lượng.

- Dòng cuối văn bản ghi việc nhà sư và viên quan mang xá lợi đến dựng tháp: "Sắc sử Đại đức Tuệ Nhã pháp sư, Lại bộ Vũ kỵ úy Khương Huy tổng xá lợi sư khởi tháp 敕使大德慧雅法師吏部羽騎尉姜徽送舍利於此起塔". Nghĩa là: "Sắc cho Đại đức Tuệ Nhã pháp sư, Lại bộ Vũ kỵ úy Khương Huy chuyển xá lợi đến đây dựng tháp".

Đây chắc chắn là một vị pháp sư và một viên quan nhà Tùy được sai phái tháp tòng Xá lợi đến dựng tháp. Chế độ quan chức Trung Quốc cho biết: Lại bộ được đặt từ thời Đông Hán, gọi là Lại tào, sau đổi thành Thượng thư Thường thị tào, đến thời Ngụy Tấn về sau gọi là Lại bộ. Tùy Đường Ngũ Đại xếp Lại bộ ở vị trí hàng đầu trong Lục bộ Thượng thư<sup>(7)</sup>. Xá lợi chùa Thắng Phúc, Thanh Châu (Trung Quốc) khắc năm 601, cũng

do viên quan có chức tước là Vũ kỵ úy họ Lý tháp tùng.

Trong khi trên minh văn này chỉ ghi một nhà sư và một viên quan tháp tùng xá lị, thì trên minh văn xá lị chùa Thắng Phúc, huyện Bồng Sơn, Thanh Châu (Trung Quốc) cũng được khắc vào năm này (601), không chỉ ghi được một vị Đại đức tăng là Trí Năng và các viên quan hộ tống xá lị, mà còn ghi rõ người viết chữ khắc bia là Mạnh Bật.

#### 4. Văn bản minh văn xá lị tháp chùa Thiên Chúng

Về sự kiện khắc bia dựng tháp xá lị vào thời Tùy Văn Đế, sử liệu Trung Quốc mà cụ thể là sách *Quảng hoàng Minh tập* chép: “Văn Đế cho rằng, thiên hạ thống nhất thái bình đều là nhờ trợ lực của Phật giáo”. Vì vậy, vào ngày 13 tháng 6 năm Nhân Thọ nguyên niên (601), vị Hoàng đế này đã ban chiếu lệnh cho danh phiên các châu chia dựng linh tháp, phân đưa xá lị cho 30 châu. Trong chiếu lệnh có đoạn viết “Nay thỉnh 30 thiền sư am tường giáo pháp, mỗi người đều có 2 thị giả và 1 viên tướng tháp tùng, 5 con ngựa, cùng chia đường đưa xá lị đi các châu dựng tháp... Vào đúng giờ Ngọ ngày 15 tháng 10 cùng loạt đặt hộp xá lị dựng tháp”<sup>(8)</sup>.

Ngoài ra, vua Tùy còn hai lần nữa ban sắc chỉ dựng tháp xá lị, một lần sắc dựng 51 ngọn tháp xá lị ở 51 châu nhằm vào ngày 8 tháng 4 năm Nhân Thọ thứ 2 (602), lần ba sắc dựng 30 ngọn tháp xá lị ở 30 châu vào năm Nhân Thọ thứ 4 (604) cũng nhằm ngày 8 tháng 4, ngày Đức Phật đản sinh. Như vậy, trước sau cả ba lần sắc chỉ dựng tháp xá lị, có cả thấy 111 ngọn tháp phân bố ở 111 châu.

Vua Tùy Văn Đế hết sức chú trọng phục hưng Phật giáo. Khi phân chia xá lị để đóng vào hòm thì cử hành đại lễ rất trang nghiêm, rồi vua trao ban cho danh tăng đưa tới các địa phương nhập tháp. Quan lại và nhân dân các địa phương đều tề tập đón rước, do đó mà tinh thần Phật giáo được phổ cập khắp nơi.

Hiện nay, đã có một số minh văn liên quan đến các tháp xá lị thời Tùy được phát hiện và công bố, như bia xá lị của các thời tháp Tùy ở châu Thanh, châu Kỳ, châu Ung, châu Đặng, châu Tuyên và một số địa điểm khác nữa ở Trung Quốc. Về cơ bản, nội dung minh văn của các bia tháp xá lị này đều khá giống nhau và theo một mẫu sau:

“Xá lị tháp (hạ) minh

Duy Đại Tùy Nhân Thọ nguyên niên, tuế thứ Tân Dậu thập nguyệt Tân Hợi sóc thập ngũ nhật Ất Sửu.

Hoàng đế phổ vi nhất thiết pháp giới, u hiển sinh linh. Cẩn ư (...) Châu (...) huyện (...) tự phụng an xá lị, kính tạo linh tháp. Nguyên Thái tổ Vũ Nguyên hoàng đế, Nguyên Minh hoàng hậu, Hoàng đế, Hoàng hậu, Hoàng Thái tử, chư vương, tử tôn đẳng tịnh nội ngoại quần quan, viên cập dân thứ lục đạo, tam đồ, nhân phi nhân đẳng, sinh sinh thể thể, trực Phật văn pháp, vĩnh ly khổ không đồng thăng diệu giới.

Sắc sử (...) pháp sư, (...) tổng xá lị ư thử khởi tháp”.

Đây là mẫu chung, trong đó có khá nhiều câu chữ lấy nguyên trong chỉ dụ của Tùy Văn Đế ban vào ngày 13 tháng 6 năm 601. Tuy nhiên, mỗi minh văn cụ thể ở mỗi địa phương có nét riêng, như

địa điểm đặt Xá lệ, nhà sư và viên quan sai phái đưa xá lệ đến xây linh tháp ở từng địa phương khác nhau.

Minh văn tháp Xá lệ phát hiện ở chùa Thiên Chúng cũng có nội dung như mẫu trên, nhưng địa danh được ghi cụ thể là “(Giao) Châu (Long Biên) huyện (Thiên Chúng) tự”. Dòng cuối ghi rõ là “Sắc sử (Đại đức Tuệ Nhã) pháp sư, (Lại bộ Vũ kỵ úy Khương Huy) tống xá lệ ư thử khởi tháp.

Như vậy, về cơ bản, nội dung minh văn trên các tháp Xá lệ được dựng vào thời điểm này đều theo mẫu có sẵn, chỉ khác ở chỗ địa danh và người được sai phái đi dựng tháp đặt Xá lệ. Điều đó cho thấy văn bản minh văn Xá lệ chùa Thiên Chúng, Giao Châu này được khắc vào thời Tùy phù hợp niên đại ghi trên minh văn là năm Nhân Thọ nguyên niên (601). Mặt khác, từ chất liệu đá bia, tự dạng thư pháp khắc trên bia, có thể nhận thấy rằng, bia đá và người viết chữ, cũng như thợ khắc bia chùa Thiên Chúng không phải là sản phẩm địa phương. Do đó, có thể nghĩ rằng, thời điểm dựng tháp, đặt bia muộn hơn thời gian khắc minh văn này (năm 601 như dòng lạc khoản ghi trên bia).

### Kết luận

Từ các dữ liệu đã nêu ở trên cho phép nhận định rằng, văn bản được khắc trên bia chùa Thiên Chúng (Bắc Ninh) là một văn bản được soạn theo bản mẫu có sẵn được làm bởi chỉ dụ của Tùy Văn Đế ban ra vào ngày 13 tháng 6 năm Nhân Thọ nguyên niên (601), hạn định cho ngày 15 tháng 10 năm đó (601) cùng an vị xá lệ.

Dòng niên đại ghi trên minh văn “Duy Đại Tùy Nhân Thọ nguyên niên, tuế thứ Tân Dậu thập nguyệt Tân Hợi sóc thập ngũ nhật Ất Sửu” (ngày 15 tháng 10 năm 601) cũng là câu văn có sẵn trong mẫu. Do vậy, đây chắc chắn là dòng niên đại của văn bản, đồng thời cũng có thể coi là niên đại của bia, nhưng cũng có thể đã được khắc trước đó, ngay sau chỉ dụ của vua Tùy vào ngày 13 tháng 6 năm 601. Đá và thợ khắc không phải được làm ở địa phương mà được làm sẵn rồi chuyển đến đây dựng tháp. Tuy nhiên, việc xây tháp, an vị xá lệ có đúng ngày 15 tháng 10 năm 601 hay không còn cần nghiên cứu thêm. Bởi, thực tế, năm 601, Việt Nam khi đó vẫn đang nằm trong sự kiểm soát của triều Hậu Lí Nam đế - Lý Phật Tử, đến năm sau 602, nhà Tùy mới sai Lưu Phương sang xâm chiếm.

Đây là nguồn tư liệu kim thạch văn quý giá, giúp nghiên cứu nhiều mặt xã hội đương thời, đặc biệt là lịch sử Phật giáo. Liên quan đến lịch sử Phật giáo, minh văn giúp ta có thêm nhận thức về xây dựng tháp xá lệ, cũng như hoạt động tín ngưỡng ở Việt Nam thời kỳ tiền độc lập tự chủ.

Đ.K.T

### Chú thích:

(1) Các bài giới thiệu đó, gồm:

- Lê Viết Nga (Giám đốc Bảo tàng Bắc Ninh): *Về hai cổ vật niên đại thời Tùy tại Bảo tàng tỉnh Bắc Ninh;*

- Nguyễn Đạt Thức (Cục Di sản văn hóa): *Về niên đại của Bia tháp Xá Lệ chùa Thiên Chúng, huyện Long Biên, Giao Châu;*

- Phạm Lê Huy (Khoa Đông phương học, Đại học KHXH & NV, ĐHQG Hà Nội): *Việc xây dựng tháp xá lợi dưới thời Tùy Văn Đế và minh văn tháp xá lợi mới phát hiện tại Bắc Ninh*;

- Nguyễn Quang Hà (Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội): *Về tấm bia thời Tùy (601) xã Trí Quả, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh*.

(2) Lục đạo: Theo nhà Phật, người chết sẽ theo việc làm bình sinh mà chia ra 6 chỗ ở: Thiên đạo, nhân đạo, A tu la đạo, ngạ quỷ đạo, súc sinh đạo, địa trung đạo.

(3) Tam đồ: Ba đường ác nghiệp trong Phật giáo: địa ngục, ngạ quỷ (quỷ đói) và súc sinh (thú vật).

(4) Nguyên văn chữ Hán là “Nhân phi nhân 人非人” được *Phật giáo đại từ điển* giải thích là: 1. Chỉ loài người và giống loài không phải con người.

(5) Nguyên văn Hán văn: 隋文帝: 在中央实行三省六部制, 将地方的州、郡、县三级制改为州、县两级制, 地方官吏概由中央任免, 由此巩固了中央集权。

(6) Nguyên văn Hán văn: 武元皇帝是隋文帝杨坚追封其父亲杨忠的尊号。武元皇帝是隋文帝杨坚于 581 年 3 月 5 日追封其父亲北周隋桓公杨忠的尊号, 并立杨忠的庙号为太祖。

(7) Nguyên văn Hán văn: "吏部, 官署名。东汉始置吏曹, 改自尚书常侍曹, 魏晋以后称吏部。隋唐五代列为尚书省六部之首"。

(8) Dẫn theo Nguyễn Đạt Thức (Cục Di sản văn hóa): *Về niên đại của Bia tháp Xá Lị chùa Thiên Chúng, huyện Long Biên, Giao Châu*. Nguyễn Đạt Thức gửi tặng bài viết này và cung cấp thêm một số tư liệu mạng về minh tháp Xá lị thời Tùy ở Trung Quốc đã được phát hiện. Xin chân thành cảm ơn. Xem thêm:

<http://hk.plm.org.cn/gnews/2009817/2009817143815.html>

#### Tài liệu tham khảo

*Đại Việt sử ký toàn thư*, bản dịch, tập I, Nxb. KHXH, H. 1998.

*Đại cương Lịch sử Việt Nam*, Tập I, Nxb. Giáo dục, H. 2000.

*Đại cương lịch sử văn hóa Trung Quốc*, bản dịch, Nxb. Văn hóa - Thông tin, H. 1993.

Hòa thượng Thích Thanh Kiểm: *Lịch sử Phật giáo Trung Quốc*, Nxb. Tôn giáo, H. 2010.

Trần Nghĩa: *Sưu tầm và khảo luận Tác phẩm chữ Hán của người Việt Nam trước thế kỷ X*, Nxb. Thế giới, H. 2000.

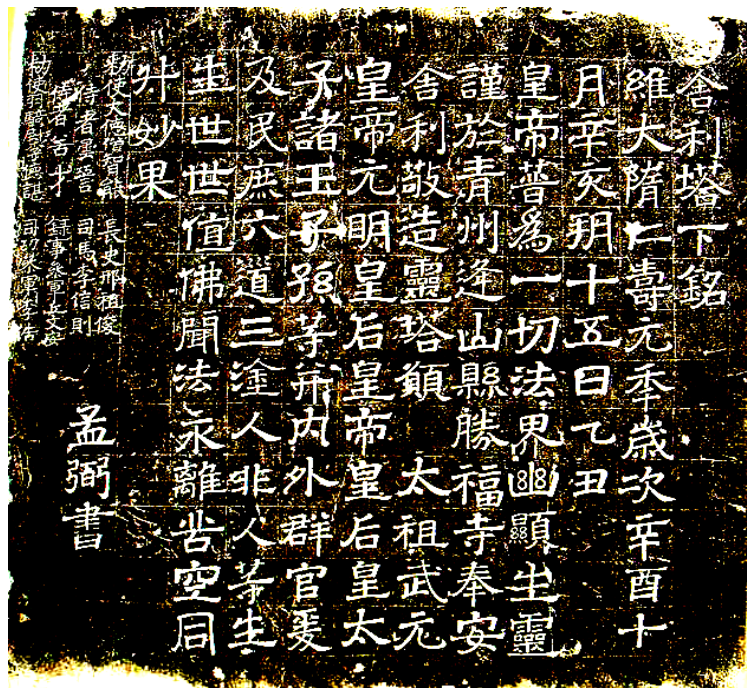
*Thiên Uyển tập anh*, (Ngô Đức Thọ và Nguyễn Thúy Nga dịch từ bản chữ Hán được khắc in năm 1715), Nxb. Văn học, H. 1990.

Đinh Khắc Thuân: "Văn bản chuông Thanh Mai thế kỷ VIII", *Tạp chí Hán Nôm*, số 1/1987.

Lý Sâm: *Thanh Châu Tùy Nhân Thọ nguyên niên (Xá lị tháp hạ minh) thạch khắc khảo giám*, trong *Bắc phương văn vật*, số 2 năm 2005./.



Xá lị tháp minh chùa Thiên Chúng (Bắc Ninh). Ảnh do Đình Khắc Thuân chụp



Xá lị tháp minh chùa Thăng Phúc, huyện Bông Sơn, Thanh Châu (Sơn Đông, Trung Quốc). Tư liệu do Nguyễn Đạt Thức cung cấp.